TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày: 30/3/2023.
Về việc: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tâm;
2. Ông Thông Minh Tấn;

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Duy Khánh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa: bà Cao Thị Nga

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 210/2022/TLST – DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **bà Ng.Th.V – sinh năm 1963 (vắng mặt)**
Địa chỉ: thôn DP, xã HK, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **bà Tr.Th.Hp – sinh năm 1966 (có mặt)**
Địa chỉ: thôn V.L, xã Hm.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: **bà Ng.Th.T1 – sinh năm 1953 (vắng mặt)**
ông Ng.Th.L – sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn V.L, xã Hm.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Tr.Th.Hp – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ng.Th.V trình bày: vào ngày 22/9/2021, qua sự giới thiệu của bà Tr.Th.Hp, bà Ng.Th.V cho bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L vay số tiền là 300.000.000 đồng. Cũng trong ngày 22/9/2021, bà Ng.Th.V đã giao đủ 300.000.000 đồng cho bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L. Việc giao tiền được thực hiện tại nhà bà Ng.Th.V.

hai bên thỏa thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn vay là 6 tháng, tức là đến ngày 22/3/2022 bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L phải trả đủ toàn bộ tiền gốc cho bà V.

Bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L vay tiền để trả nợ ngân hàng. Sau khi nhận tiền, bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L không có trả lãi đồng nào cho bà Ng.Th.V kể từ khi vay đến nay.

Tiền bà Ng.Th.V cho bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L là tài sản riêng của bà Ng.Th.V.

Việc vay tiền có lập giấy tờ, bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L có ký tên vào Giấy nợ do ông Ng.Th.L viết, có nội dung bà T1 và ông L mượn bà V số tiền 300.000.000 đồng, thời gian mượn 6 tháng, lãi suất 20% năm, ngoài chữ ký của bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L còn có chữ ký của bà Tr.Th.Hp làm chứng.

Bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L có giao cho bà Ng.Th.V 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 768783 và CO768785 để đảm bảo cho khoản nợ. việc thế chấp chỉ được ghi vào giấy nợ chứ không có chứng thực, không có đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền.

Bà Tr.Th.Hp yêu cầu bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L trả cho bà Ng.Th.V:

+ toàn bộ số tiền gốc là 300.000.000 đồng,

+ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả 20%/năm kể từ ngày 22/9/2021 đến ngày đến hạn 22/3/2022 là 20%x300.000.000 đồng /12 tháng x 6 tháng = 30.000.000 đồng.

+ lãi trên nợ gốc quá hạn 150% của lãi suất trong hạn kể từ ngày 23/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2023, tự nguyện làm tròn thành 12 tháng là 20% x 150% x 300.000.000 đồng/12 tháng x 12 tháng = 90.000.000 đồng

Quá trình giải quyết bị đơn là bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L không đến Tòa án để trình bày ý kiến mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

vụ án không tiến hành hòa giải

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L trả cho bà Ng.Th.V toàn bộ số tiền 420.000.000 đồng.

Trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng

Lãi suất trong hạn là [(300.000.000 x 20%) : 12] x 6 = 30.000.000 đồng

Lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 23/3/2022 là {[(300.000.000 x 20%) x 150%]:12}x12 = 90.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết**:** Nguyên đơn bà Ng.Th.V nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L có địa chỉ tại thôn V.L, xã Hm.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, từ đó có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp hợp

đồng vay tài sản. Do đó, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn là bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] tại phiên tòa bà Tr.Th.Hp yêu cầu bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L thanh toán cho bà Ng.Th.V tổng số tiền 420.000.000 đồng, trong đó:

+ toàn bộ số tiền gốc là 300.000.000 đồng,

+ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả 20%/năm kể từ ngày 22/9/2021 đến ngày đến hạn 22/3/2022 là 20%x300.000.000 đồng /12 tháng x 6 tháng = 30.000.000 đồng.

+ lãi trên nợ gốc quá hạn 150% của lãi suất trong hạn kể từ ngày 23/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2023, tự nguyện làm tròn thành 12 tháng là 20% x 150% x 300.000.000 đồng/12 tháng x 12 tháng = 90.000.000 đồng

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Tr.Th.Hp – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ng.Th.V - giao nộp cho Tòa án chứng cứ là bản chính "Giấy mượn tiền" viết tay đề ngày 22/9/2021 theo lời bà Hiệp trình bày, là do ông Ng.Th.L chính tay viết, có chữ ký của bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L; có nội dung bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L mượn bà Ng.Th.V số tiền 300.000.000 đồng, thời gian mượn 6 tháng, lãi suất 20% năm, để đảm bảo khoản nợ có thếp chấp 02 giấy quyền sử dụng đất số CO 768783 và CS 07858.

Quá trình giải quyết vụ án bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L đều đã được tống đạt hợp lệ bản sao chứng cứ do phía nguyên đơn giao nộp nhưng không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ trên. căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chứng minh đối với chứng cứ mình đã giao nộp.

[3.2] Về lãi suất: tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 22/9/2021 có thể hiện "Lãi suất hai bên tự thỏa thuận: 20%/năm" mức lãi suất mà các bên thỏa thuận phù

hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi trong hạn với mức thỏa thuận 20%/năm được chấp nhận.

+ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được tính như sau: 20%/năm kể từ ngày 22/9/2021 đến ngày đến hạn 22/3/2022 là 20%x300.000.000 đồng /12 tháng x 6 tháng = 30.000.000 đồng.

+ lãi trên nợ gốc quá hạn 150% của lãi suất trong hạn kể từ ngày 23/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2023, tự nguyện làm tròn thành 12 tháng là 20% x 150% x 300.000.000 đồng/12 tháng x 12 tháng = 90.000.000 đồng. việc làm tròn 12 tháng từ ngày 23/3/2022 đến 30/3/2023 đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật và không gây bất lợi cho bị đơn nên được chấp nhận

[3.3] về việc bị đơn giao nộp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 768783 và CO768785 cho nguyên đơn để đảm bảo cho khoản nợ: trong "Giấy mượn tiền" đề ngày 22/9/2021 có nội dung *"để đảm bảo khoản vay nợ tôi có thế chấp 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số sổ CO768783 và CO"*

Tuy nhiên việc bị đơn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn nhưng không thực hiện các quy định về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của các Điều 297, 298 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai, do đó hội đồng xét xử nhận định giữa các bên không tồn tại giao dịch bảo đảm, không phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba, quyền sử dụng đất trên không phải là tài sản đảm bảo.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu gì, bị đơn không có ý kiến và yêu cầu gì về việc nguyên đơn đang tạm giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án

áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tuyên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ như sau: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn = 150%. Trong vụ án này các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 20%/năm, Do đó kể từ ngày 31/3/2023 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 30%/năm;

[3.5] bà Tr.Th.Hp trình bày khoản tiền bà Ng.Th.V cho bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L vay là tài sản riêng, điều này có sự xác nhận của chồng bà Ng.Th.V là ông Nguyễn Văn Thành, do đó Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn Thành tham gia tố tụng với T1 cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận định việc bị đơn bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L có vay và hiện còn nợ nguyên đơn bà Ng.Th.V số tiền 300.000.000 đồng tiềng gốc cùng với lãi phát sinh là có thật, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- buộc bị đơn bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L trả cho bà Ng.Th.V toàn bộ số tiền 420.000.000 đồng.

Kể từ ngày 31/3/2023 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 30%/năm.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật. bà Ng.Th.T1 thuộc trường hợp được miễn án phí tuy nhiên khôngg nộp đơn yêu cầu được miễn án phí nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, và các Điều 266, 267, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng.Th.V.

- buộc bị đơn bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L trả cho bà Ng.Th.V toàn bộ số tiền 420.000.000 đồng.

Trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng

Lãi suất trong hạn là [(300.000.000 x 20%) : 12] x 6 = 30.000.000 đồng

Lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 23/3/2022 là {[(300.000.000 x 20%) x 150%]:12}x12 = 90.000.000 đồng

Kể từ ngày 31/3/2023 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 30%/năm.

**** Về án phí:***

Bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L phải chịu 20.800.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ng.Th.V số tiền 9.492.000 đồng (chín triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại nộp tạm ứng án phí, lệ phí số 0006548 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Hàm Thuận Nam.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Ng.Th.T1 và ông Ng.Th.L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thúy Vũ

Nơi nhận:
- đương sự
- VKSND Hàm Thuận Nam
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- THADS Hàm Thuận Nam
- Lưu